

Hạ Long, ngày 25 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Các khoản chi năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO THẮNG

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế công khai của trường Tiểu học Cao Thắng ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-TH ngày 21/08/2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ trường Tiểu học Cao Thắng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai chi năm 2023 của Trường Tiểu học Cao Thắng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT



Trần Thị Quỳnh Chi

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHI NĂM 2023

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mục	Nguồn kinh phí	Chi hoạt động
I	Tổng kinh phí tự chủ ngân sách cấp được sử dụng năm 2023		9.089.410.000	
1	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2022 sang		37.400.000	
2	Kinh phí tự chủ cấp đầu năm		7.967.000.000	
3	Kinh phí bổ sung		476.000.000	
4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		609.010.000	
II	KP tự chủ đã sử dụng trong năm 2023			7.412.124.671
1	Chi từ nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13)			6.803.114.671
2	Chi từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14)			609.010.000
III	Tổng KP tự chủ chi hoạt động (Thực chi) năm 2023			7.412.124.671
1	Chi thanh toán cá nhân (1=1.1+1.2+1.3+1.4+1.5+1.6+1.7+1.8+1.9+1.10)			6.349.171.023
	(Tổng quỹ lương năm 2023 = 1.1+1.2+1.3+1.4+1.5+1.6)			5.381.874.647
1.1	Lương ngạch, bậc	6001		3.623.730.152
1.2	Lương hợp đồng theo chế độ	6003		27.541.800
1.3	Phụ cấp chức vụ	6101		49.213.929
1.4	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112		1.255.438.526
1.5	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113		5.922.000
1.6	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	6115		420.028.240
1.7	Bảo hiểm xã hội	6301		720.617.119
1.8	Bảo hiểm y tế	6302		123.522.548
1.9	Kinh phí công đoàn	6303		81.982.531
1.10	BH thất nghiệp	6304		41.174.178
2	Thanh toán dịch vụ công cộng (2=2.1+2.2+2.3+2.4)			237.561.771
2.1	Tiền điện	6501		166.142.296
2.2	Tiền nước	6502		45.259.475
2.3	Tiền vệ sinh, môi trường	6504		11.160.000
2.4	Chi khác	6549		15.000.000
3	Vật tư văn phòng (3=3.1+3.2+3.3+3.4)			169.958.734
3.1	Văn phòng phẩm	6551		11.934.604
3.2	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6552		110.765.221
3.3	Khoán văn phòng phẩm	6553		19.800.000
3.4	Vật tư văn phòng khác	6599		27.458.909
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600		36.451.640
5	Công tác phí	6700		14.320.000
6	Chi phí thuê mướn	6750		224.086.280
7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	6900		125.994.522

8	Chi phí nghiệp vụ CM từng ngành	7000		121.026.934
9	Mua sắm tài sản vô hình	7050		35.550.000
10	Chi khác	7750		98.003.767
IV	KP tiết kiệm được trong năm 2023		1.677.285.329	
V	Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm 2023			1.373.005.329
VI	Trích lập các quỹ.....			0
VII	Kinh phí tiết kiệm chuyển kỳ sau			304.280.000

Hạ Long, ngày 17 tháng 01 năm 2024

KẾ TOÁN



Đặng Thị Thu Hà

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Quỳnh Chi

